



KHẢO SÁT TÌNH HÌNH NHIỄM VI KHUẨN STAPHYLOCOCCUS AUREUS GÂY BỆNH TRÊN CHÓ TẠI TỈNH VĨNH LONG

PREVALENCE OF PATHOGENIC STAPHYLOCOCCUS AUREUS INFECTION IN DOGS IN VINH LONG PROVINCE

Trương Huỳnh Yên Ngọc*, Nguyễn Thanh Bình

Trường Đại học Cửu Long

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.42.962>

*Email: truonghuynhyennngoc@mku.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/08/2025

Ngày phản biện: 10/09/2025

Ngày duyệt bài: 23/03/2026

TÓM TẮT

Mối quan hệ gắn bó giữa con người và vật nuôi ngày càng sâu sắc trong đời sống xã hội hiện đại, kéo theo những quan tâm đặc biệt về y tế cộng đồng và sinh thái đô thị. Dưới góc độ an toàn dịch tễ học, đề tài “Khảo sát tình hình nhiễm vi khuẩn *Staphylococcus aureus* gây bệnh trên chó tại tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện tại phòng khám thú y Bình Minh, phòng khám thú y Thanh Tuyền, phòng khám thú y Pet Cung và bệnh xá thú y trường Đại học Cửu Long thông qua phương pháp phân lập vi khuẩn. Để cung cấp một cơ sở dữ liệu thực chứng sát với bối cảnh địa phương, nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9/2024 đến tháng 6/2025 với tổng số mẫu thu được là 82 mẫu. Quá trình khảo sát đã phơi bày một thực trạng đáng lưu tâm về môi trường sống của vật nuôi, khi mà kết quả cho thấy trong 82 mẫu phân lập được trên chó có 43 mẫu dương tính với *Staphylococcus aureus* chiếm tỷ lệ lưu hành là 52,4%. Việc bóc tách các chỉ số y khoa giúp các nhà quản lý y tế và người dân có cái nhìn cận kẽ hơn về nguy cơ lây nhiễm: Tỷ lệ nhiễm *Staphylococcus aureus* trong mẫu dịch viêm da là 24,3%, kể đến là mẫu dịch viêm tử cung chiếm 7,3%, dịch áp xe chiếm 6,1%, dịch mủ 2,4% và dịch viêm vết mổ chiếm 3,7%. Bên cạnh đó, các yếu tố về đặc điểm sinh học cũng được đưa vào lăng kính phân tích: Tỷ lệ phát hiện các mẫu nhiễm *S. aureus* theo giới tính ở chó đực hiện diện là 25%, ở chó cái 70%; tỷ lệ phát hiện theo giống chó ngoại và giống chó nội lần lượt là 52,2% và 52,8%. Tỷ lệ phát hiện *S. aureus* trên chó từ 1 tháng tuổi đến trên 5 năm tuổi dao động từ 44,4 – 58,8%. Đặc biệt, phản ánh rõ nét tác động từ không gian sống do con người kiến tạo, tỷ lệ phát hiện sự hiện diện *Staphylococcus aureus* theo phương thức nuôi nhốt là 33,3% thấp hơn nuôi thả và kết hợp là 65,3% ($P < 0,01$).

Từ khóa: Chó, nhiễm, *Staphylococcus*, Vĩnh Long

ABSTRACT

The profound bond between humans and pets is increasingly significant in modern social life, bringing special attention to community health and urban ecology. From the perspective of epidemiological safety, the research topic “A survey on the prevalence of *Staphylococcus aureus* infection in dogs in Vinh Long Province” was conducted at Binh Minh Veterinary Clinic, Thanh Tuyen Veterinary Clinic, Pet Cung Veterinary Clinic, and the Veterinary infirmary of Cuu Long University by bacterial isolation method. To provide an empirical database closely aligned with local realities, the study was carried out from September 2024 to June 2025 with a total of 82 samples collected. The survey process revealed a noteworthy situation regarding the living environment of pets, as the results showed that among 82 samples collected from dogs, 43 samples were positive for *Staphylococcus aureus*, accounting for a prevalence of 52.4%. Deconstructing these medical indicators helps health managers and residents gain a more thorough understanding of infection risks: The infection rate of *Staphylococcus aureus* in dermatitic exudate samples was 24.3%, followed by uterine discharge samples at 7.3%, abscess fluid at 6.1%, pus samples at 2.4%, and surgical wound exudate at 3.7%. In addition, biological characteristics were also integrated into the analytical framework: The detection rate of *S. aureus*-infected samples by gender showed 25% prevalence in male dogs and 70% in female dogs; the detection rates according to breed were 52.2% for foreign breeds and 52.8% for local breeds. The detection rate of *S. aureus* in dogs ranging from 1 month old to over 5 years old varied from 44.4% to 58.8%. Notably, clearly reflecting the impact of human-created living spaces, the prevalence of *S. aureus* according to housing conditions was 33.3% for confined housing, lower than in free-range and mixed housing conditions at 65.3% ($P < 0.01$).

Keywords: Dog, infection, *Staphylococcus*, Vĩnh Long

1. Giới thiệu

Viêm là một trong những vấn đề sức khỏe thường gặp nhất ở chó trên toàn thế giới. Tác nhân gây bệnh phổ biến trên chó là do vi khuẩn *Staphylococcus*. Nghiên cứu của Francesca et al. (2023) cho thấy *Staphylococcus pseudintermedius* phân lập trên cả chó bị bệnh là 33,3% và chó khỏe mạnh là 46,1%. Trong đó các loài *Staphylococcus* spp., *Staphylococcus aureus* và *Staphylococcus pseudintermedius* được tìm thấy là tác nhân gây bệnh quan trọng nhất trên chó. Nếu không được điều trị kịp thời và đúng cách, tình trạng này có thể dẫn đến nhiễm trùng thứ phát nghiêm trọng và lan rộng ra. *Staphylococcus aureus* là một trong những vi khuẩn gây bệnh phổ biến ở chó, có khả năng gây ra nhiều loại bệnh lý khác nhau như viêm da, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm khuẩn huyết... Gần đây theo nghiên cứu của Cuny et al. (2022) xác định rằng *Staphylococcus* spp. trên chó có thể truyền lây sang các loài động vật khác và người, mầm bệnh cơ hội do loài *Staphylococcus aureus* gây bệnh hình thành những ổ áp xe chứa đầy mủ, sưng đau và tấy đỏ. Ở Việt Nam các nghiên cứu liên quan đến *Staphylococcus aureus* gây bệnh trên chó chưa được thực hiện nhiều, chủ yếu là nghiên cứu sự hiện diện của loài *Staphylococcus* spp. trên các loài vật nuôi khác như heo và bò.

Do đó nghiên cứu sự hiện diện vi khuẩn *Staphylococcus aureus* trên chó được thực hiện tại Vĩnh Long thông qua phương pháp phân lập vi khuẩn nhằm góp phần chẩn đoán và điều trị bệnh trên chó tại bệnh xá Thú y - trường Đại học Cửu Long và các phòng khám trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025 phòng khám thú y Bình Minh (Bình Minh), phòng khám thú y Thanh Tuyên (Bình Tân), phòng khám thú y Pet cung (TP. Vĩnh Long) và bệnh xá Thú y trường Đại học Cửu Long (Long Hồ).

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Chó được đem đến khám và điều trị tại các phòng khám thú y có biểu hiện của viêm da, viêm tử cung, dịch áp xe, dịch mủ, dịch viêm vết mổ được tiến hành lấy mẫu. Chó được lấy mẫu theo

giống, giới tính, phương thức nuôi và lứa tuổi. Giống chó ngoại gồm giống ngoại thuần chủng và giống chó ngoại lai với giống nội địa, giống chó nội là giống chó bản địa trong nước. Phương thức nuôi thả là chó được di chuyển tự do, không giới hạn không gian hoạt động. Phương thức nuôi nhốt là chó được nhốt trong chuồng hoặc tại nhà và sân vườn trong diện tích có rào chắn. Phương thức nuôi kết hợp là kết hợp cả nuôi nhốt và nuôi thả. Lứa tuổi được chia thành 4 giai đoạn: 1-18 tháng tuổi, dưới 3 năm tuổi, từ 3 - 5 năm tuổi, trên 5 năm tuổi.

Dung lượng mẫu: Dung lượng mẫu cần thu thập được tính theo công thức của Thrusfield (1995):

$$n = \frac{Z^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Số lượng mẫu cần thu thập

z: Giá trị phân phối chuẩn, $z = 1,96$

d: Mức khác biệt tối đa giữa tỷ lệ quan sát được và tỷ lệ nhiễm thực tế (không quá 5% trong sinh học).

p: Tỷ lệ nhiễm ước tính $p=6\%$ (Hằng và cs., 2017)

Áp dụng công thức, tổng số mẫu cần lấy tương đương: 87 mẫu

Dựa vào tình hình thực tế và phạm vi nghiên cứu của đề tài, 82 mẫu được bố trí để xét nghiệm. Với dung lượng mẫu này, mức sai số thực tế đạt khoảng 5,14%, nghiên cứu vẫn đảm bảo độ tin cậy.

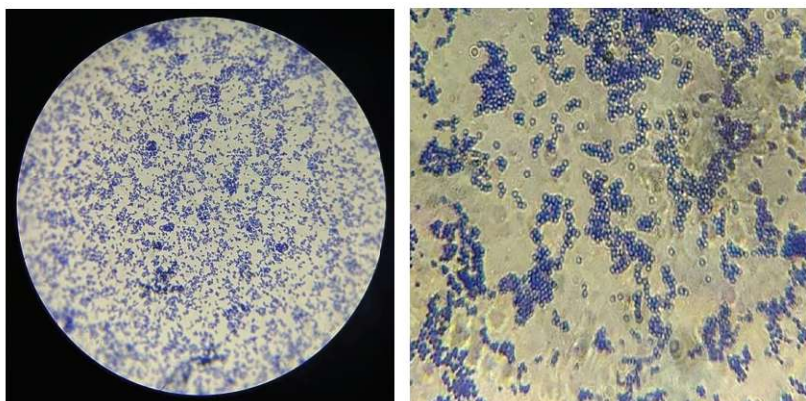
2.3 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lấy mẫu: Mẫu là các dịch viêm trên da, tử cung, viêm vết mổ, áp xe,... của tất cả các loài chó đến khám và điều trị tại phòng khám thú y sẽ được tiến hành lập bệnh án và sổ theo dõi để ghi nhận các thông tin về giống, giới tính, phương thức nuôi và tuổi. Sau khi xác định được vị trí lấy mẫu, thì dùng bông tăm vô trùng lấy đúng vị trí bị nhiễm khuẩn, tránh nhiễm bẩn từ bên ngoài vào, lấy đủ số lượng bệnh phẩm cần thiết cho tăm bông vào ống nghiệm có môi trường dinh dưỡng (môi trường vận chuyển) và ký hiệu mẫu, ngày lấy, vị trí lấy và trữ trong tủ lạnh nhiệt độ từ 20°C đến 8°C. Trường hợp là các vết thương hở có mủ hoặc những ổ mủ ở vị trí sâu thì lau sạch da lành

xung quanh bằng cồn 70o, lau sạch mũ bằng gạc vô trùng tẩm nước muối sinh lý vô trùng sau đó dùng tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm.

Phương pháp nuôi cấy: Quy trình phân lập định danh vi khuẩn *Staphylococcus aureus* thực

hiện theo VS.QTKT.NC.18. và TCVN 4830 - 1: 2005 và thực hiện theo nghiên cứu của Suepaul et al. (2021). Phương pháp nhuộm Gram được thực hiện theo hướng dẫn thực hành xét nghiệm vi sinh lâm sàng (Bộ Y tế, 2017)



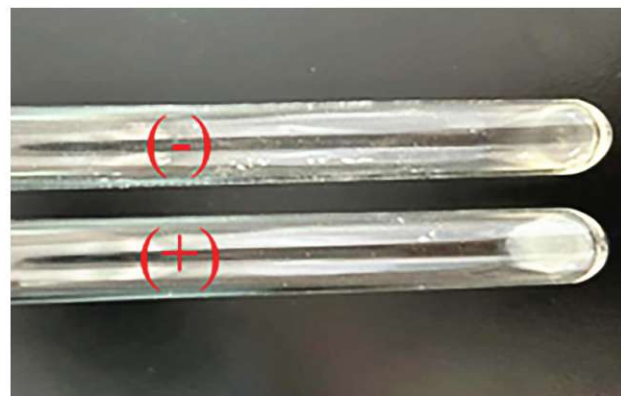
Hình 2.1 Vi khuẩn *Staphylococcus aureus* ở vật kính x100



Hình 2.2 Vi khuẩn *Staphylococcus aureus* được phân lập môi trường MSA

Phản ứng sinh hóa được thực hiện theo nghiên cứu của Chaieb et al. (2005). Phản ứng coagulase được thực hiện theo hướng dẫn của Katz (2010). Khuẩn lạc của *S. aureus* có đặc điểm là dạng

tròn, lồi, màu vàng hoặc trắng, môi trường xung quanh khuẩn lạc chuyển vàng trên môi trường MSA (mannitol salt agar) (HiMedia Laboratories, India).



Hình 2.3 Huyết tương thô và kết quả phản ứng Coagulase

2.4 Xử lý số liệu

Số liệu khảo sát được tính toán bằng phần mềm Microsoft Excel 2016 và phân tích thống kê bằng kiểm định Chi-square và Fisher's exact, các phép tính bổ sung được thực hiện thông qua website Social Science Statistics (Social Science Statistics, 2024).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tỷ lệ nhiễm *Staphylococcus aureus* theo loại bệnh phẩm

Trong thời gian nghiên cứu đã ghi nhận được tổng số ca bệnh phẩm là 82 mẫu, trong đó có 43 trường hợp cho thấy dương tính với

Staphylococcus aureus chiếm tỷ lệ 52,4%, được trình bày qua Bảng 3.1

Bảng 3.1 Tỷ lệ hiện diện vi khuẩn *Staphylococcus aureus* theo từng loại bệnh phẩm

Bệnh phẩm	Số mẫu	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%)	P
Dịch viêm da	35	20	24,4	
Dịch viêm từ cung	12	6	7,3	
Dịch viêm áp xe	9	5	6,1	
Dịch mủ	6	2	2,4	0,75
Dịch viêm vết mổ	8	3	3,7	
Khác	12	7	8,5	
Tổng	82	43	52,4	

Qua Bảng 3.1 trên cho thấy tỷ lệ nhiễm từ các mẫu dịch viêm da chiếm tỷ lệ 24,3%, tiếp theo là dịch viêm từ cung chiếm 7,3% và dịch viêm khác 8,5%, dịch viêm áp xe chiếm 6,1%, dịch mủ 2,4% và dịch viêm vết mổ chiếm 3,7%. Nguyên nhân viêm da chiếm tỷ lệ cao *S. aureus* luôn có mặt trên bề mặt da và môi trường xung quanh, có khả năng bám dính tốt trên nhiều loại tế bào và máy móc thiết bị chính nhờ những đặc điểm trên giúp *S. aureus* phân bố rộng và có thể sống tốt bên ngoài kí chủ. Bên cạnh đó do thời gian nghiên cứu rơi vào khoảng tháng 9/2024 đến tháng 6/2025 là khoảng thời gian ve xuất hiện nhiều, khi thời tiết nóng ẩm thuận lợi cho ve sinh sản và phát triển. Trong môi trường thuận lợi, những con ve hay ký sinh trùng ngoài da sẽ vào cơ thể vật nuôi và ký sinh trên đó để hút máu từ đó gây da bị tổn thương gây viêm và tạo những vết thương hở trên vật nuôi. Do đó, khả năng viêm da do vi khuẩn *S. aureus* là rất cao.

Kết quả này có sự khác biệt với nghiên cứu của Habibullah A. et al., (2017), tỷ lệ nhiễm *S. aureus* ở ngoáy mũi, ngoáy vết thương, mủ lần lượt là 30,99%, 64,28% và 87,5%. Ngoài ra, báo cáo của tác giả David A. Gómez-Beltrán (2020) cho thấy vi khuẩn thường xuyên nhất được phân lập từ các mẫu lâm sàng là *S. aureus* dương tính với tỷ lệ nhiễm ở các vị trí bao gồm vết thương (65%), tai (64%), da (48,9%), áp xe (38,9%), khoang mũi (35,3%) và mắt (33,3%). Kết quả

nghiên cứu của đề tài có tỷ lệ viêm da cao hơn với nghiên cứu của Sofia Santos Costa et al. (2022) đã báo cáo rằng ở chó, *S. aureus* chiếm 10% trường hợp viêm da mủ. Ngược lại kết quả tỷ lệ hiện diện *S. aureus* trong nghiên cứu này thấp hơn kết quả nghiên cứu của Lord et al. (2022) tại Hoa Kỳ tỷ lệ hiện diện của *Staphylococcus* trên mẫu da chó là 56,2% (Hoa Kỳ).

3.2 Tỷ lệ nhiễm Staphylococcus aureus theo các yếu tố dịch tễ (giới tính, lứa tuổi, giống, phương thức nuôi)

Tỷ lệ nhiễm theo các yếu tố dịch tễ (giới tính, lứa tuổi, giống, phương thức nuôi) trên tổng số 43 mẫu dương tính với *S. aureus*. Kết quả ở Bảng 3.2 cho thấy trong tổng số 82 mẫu bệnh phẩm thu được tại các bệnh xá, phòng khám được phân lập có tỷ lệ nhiễm *S. aureus* cao (43/82) chiếm 52,4%. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Chaudhari et al. (2022) tại Ấn Độ trên mẫu swab của chó bị viêm, tỷ lệ *Staphylococcus* dương tính với coagulase lần lượt là 57,1% và 57,95%. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của Suepaul et al. (2021) cho thấy hầu hết các loài *Staphylococcus* phân lập được từ miệng, mũi, da bụng của chó khỏe là *Staphylococcus* âm tính với coagulase (50,2%). Kết quả của thí nghiệm cũng cao hơn kết quả tỷ lệ nhiễm *S. aureus* trên chó của Habibullah A. et al. (2017), là 42,62%.

Bảng 3.2 Tỷ lệ nhiễm *Staphylococcus aureus* theo các yếu tố dịch tễ (giới tính, lứa tuổi, giống, phương thức nuôi)

Yếu tố khảo sát		Số mẫu khảo sát (mẫu) n	Mẫu phát hiện <i>Staphylococcus</i> spp.		
			Tỷ lệ (%)	Giá trị P	
Giới tính	Đực	32	8	25	0,0022*
	Cái	50	35	70	
Giống	Nội	36	19	52,8	0,2687
	Ngoại	46	24	52,2	
Tuổi	1 - 18 tháng	23	12	52,8	0,6317
	< 3 năm	24	13	54,2	
	3 - 5 năm	18	8	44,4	
	> 5 năm	17	10	58,8	
Phương thức nuôi	Nhốt	33	11	33,3	0,0124*
	Thả và kết hợp	49	32	65,3	
Tổng		82	43	52,4	

(Ghi chú: *Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P \leq 0,05$))

Kết quả ở Bảng 3.2 cũng cho thấy rằng tỷ lệ nhiễm *S. aureus* theo giới tính, tỷ lệ con cái chiếm (35/50 mẫu) chiếm 70% cao hơn so với giới tính đực (8/32 mẫu) chiếm 25% ($P = 0,002$). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu Nguyễn Thị Lan Anh và cs (2024) tỷ lệ nhiễm *S. aureus* viêm da trên chó cái chiếm 21,6% (11/51 mẫu) và trên chó đực 5,56% (3/54 mẫu). Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể do tỷ lệ chênh lệch đực, cái ở từng khu vực khảo sát, ngoài ra có thể do con cái dễ nhiễm bệnh bởi đặc điểm sinh sản, dễ viêm nhiễm lây nhiễm mầm bệnh hơn con đực nhiều loài *Staphylococcus* sống trên niêm mạc, da chó, vết thương hở trong quá trình sinh sản và là tác nhân cơ hội gây bệnh viêm da trên chó (Lord et al., 2022). Mohammad et al. (2021) nghiên cứu về sự phân bố bệnh theo giới tính, tỷ lệ mắc bệnh ở chó đực thấp hơn ở chó cái vì viêm da ở giới tính cái có xu hướng cao hơn đực, có thể là do phản ứng với các chất kích thích da khác nhau và ký sinh trùng bên ngoài, tương đồng với kết quả của nghiên cứu trên. Tuy nhiên nghiên cứu trên khác biệt với nghiên cứu Hanselman et al. (2009) đã báo cáo rằng không có mối liên hệ đáng kể nào giữa giới tính của chó dẫn đến sự lưu hành của *S. aureus*. Điều này cũng có thể là do môi trường nuôi khác biệt, phương thức nuôi, chăm sóc nuôi dưỡng giữa giới tính đực và cái khác nhau của người dân tại khu vực thực hiện nghiên cứu.

Tuổi là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hệ miễn dịch của bệnh thú, tạo cơ hội có sự xâm nhập của các vi khuẩn phát triển. Trong nghiên cứu trên có tổng 43 mẫu dương tính với vi khuẩn *S. aureus*, tỷ lệ phân bố *S. aureus* được xếp thành các nhóm bao gồm 1 - 18 tháng tuổi, dưới 3 năm tuổi, 3 - 5 năm tuổi và trên 5 năm tuổi. Trong 82 mẫu bệnh phẩm viêm da thu thập được, tỷ lệ phân bố của *S. aureus* theo độ tuổi trên 5 năm tuổi chiếm 58,5%; 3 - 5 năm chiếm 44,4; nhóm dưới 3 năm tuổi chiếm 54,2% năm, và 1 - 18 tháng tuổi chiếm 52,8% sự khác biệt về các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê. Kết quả trên có sự tương đồng với nghiên cứu của Habibullah. A et al. (2017), tỷ lệ nhiễm *S. aureus* cao nhất ở chó từ 1,5 năm tuổi trở lên chiếm 42,86% so với chó dưới 1,5 năm tuổi 42,42%. Tuy nhiên theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Anh và cs (2024) tỷ lệ nhiễm *S. aureus* cao nhất ở nhóm tuổi dưới 1 năm tuổi chiếm tỷ lệ là 20%, kế đến là nhóm 1 - 5 năm

tuổi chiếm 19,3%. Sự phân bố của các loài theo độ tuổi cho thấy tuổi xuất hiện *S. aureus* thường xuyên nhất (6,3%) từ 5 - 6 năm tuổi tỷ lệ mắc bệnh cao nhất ở chó trưởng thành (49,8%) sau đó là chó con (27,8%) và thấp nhất là chó già (22,3%) (Mohammad al., 2021). Nghiên cứu của Lord et al. (2022) cũng cho thấy chó ở giai đoạn 6 - 9 năm tuổi có tỷ lệ nhiễm cao nhất (27,4%).

Bảng 3.2 cho thấy sự hiện diện của *Staphylococcus aureus* trên giống chó nội (52,8%), giống chó ngoại (52,2%) nhưng không có ý nghĩa thống kê ($P=0,27$). Nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Anh và cs (2024) trên mẫu swab da chó trên giống chó nội (78,3%), giống chó ngoại (86,3%).

Dựa vào Bảng 3.2, tỷ lệ nhiễm *Staphylococcus aureus* theo phương thức nuôi thả và kết hợp (65,3%) cao hơn so với phương thức nuôi nhốt (33,3%), có ý nghĩa thống kê ($P=0,01$). Điều này tương đồng với kết quả nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Lan Anh và cs (2024) tỷ lệ phát hiện của *Staphylococcus* trên chó nuôi thả và kết hợp (94,7%) cao hơn phương thức nuôi nhốt (69,2%). Điều này có thể giải thích rằng yếu tố môi trường chăn nuôi có ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ nhiễm bệnh trên da theo từng phương thức nuôi. Anturaniemi J et al., (2017) đưa ra kết luận rằng môi trường nuôi nhốt, chó có bộ lông trắng và được chủ nuôi chăm sóc tốt nguy cơ nhiễm trùng về da thấp hơn về các giống chó được thả rong, ít chăm sóc về lông da, vi khuẩn *Staphylococcus* có khả năng tồn tại ngoài môi trường tự nhiên và có thể tồn tại trong điều kiện môi trường bất lợi dẫn đến phạm vi xâm nhiễm rộng. Do đó, khả năng những cá thể chó được nuôi theo phương thức tự do sẽ bị lây nhiễm từ môi trường nuôi là rất cao. Viêm da trên chó yếu tố môi trường là nguyên nhân gây bệnh phức tạp.

Qua kết quả khảo sát nhận thấy rằng những chó viêm quan sát có biểu hiện với tình trạng ngứa, như liếm, thường nhai chân, cọ mặt, mồm xuống nền sàn, lắc đầu. Khi được đưa tới phòng khám có những biểu hiện như bị ban đỏ, rụng lông, viêm, có dịch, hoặc nung mủ do viêm từ cung, viêm vết mổ, viêm áp xe biểu hiện bệnh tiến triển sẽ gây kích ứng khiến chó không tự chủ được mà gãi, ngứa nhiều gây nhiều tổn thương tạo cơ hội cho vi sinh vật xâm nhập, và dẫn đến nhiều triệu chứng nặng do hệ thống miễn dịch trên chó suy giảm, các vi sinh vật gây bệnh tấn công.

4. Kết luận

Khảo sát sự hiện diện vi khuẩn *Staphylococcus aureus* gây viêm trên chó tại một số phòng khám thú y ở địa bàn tỉnh Vĩnh Long cho thấy tỷ lệ *Staphylococcus aureus* lưu hành là 52,4%. Vi khuẩn được phát hiện nhiều nhất trong mẫu dịch viêm da (24,3%), kế đến là dịch viêm từ cung (7,3%), dịch áp xe (6,1%), dịch viêm vết mổ (3,7%) và dịch mủ (2,4%). Nhìn chung, sự hiện diện của *Staphylococcus aureus* trong mẫu swab ở các cá thể chó gây nên tình trạng viêm khá cao, điều này có thể là nguyên nhân tham gia gây nên tình trạng viêm nặng hơn như viêm da có mủ, viêm da tiết dịch.

Tỷ lệ phát hiện *Staphylococcus aureus* không phụ thuộc nhóm giống và độ tuổi nhưng phụ thuộc vào giới tính và phương thức nuôi. Do đó, việc tăng cường vệ sinh, kiểm soát môi trường sống và theo dõi sức khỏe định kỳ cho chó nuôi là cần thiết nhằm hạn chế nguy cơ nhiễm và lây lan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anturaniemi, J., Uusitalo, L., & Hielm-Björkman, A. (2017). Environmental and phenotype-related risk factors for owner-reported allergic/atopic skin symptoms and for canine atopic dermatitis verified by veterinarian in a Finnish dog population. *PLoS ONE*, 12(6), Article e0178771.
- Bộ Y tế. (2017). Hướng dẫn thực hành xét nghiệm vi sinh lâm sàng. Nhà xuất bản Y học.
- Chaieb, K., Abbassi, M. S., Touati, A., Hassen, A. B., Mahdouani, K., & Bakhrouf, A. (2005). Molecular characterization of *Staphylococcus epidermidis* isolated from biomaterials in a dialysis service. *Annals of Microbiology*, 55(4), 307–312.
- Chaudhari, S., Chauhan, H. C., Sharma, K., Patel, S., Patel, A. C., Mohapatra, S. K., Srimali, M. D., & Chandel, B. (2022). Antibiotic susceptibility pattern of canine coagulase positive and coagulase negative *Staphylococcus* spp. in a hot and dry region of India. *Topics in Companion Animal Medicine*, 50, Article 100679. <https://doi.org/10.1016/j.tcam.2022.100679>
- Costa, S. S., Ribeiro, R., Serrno, M., & Oliveira, K. (2022). *Staphylococcus aureus* causing skin and soft tissue infections in companion animals: Antimicrobial resistance profiles and clonal lineages. *Antibiotics*, 11(5), 599. <https://doi.org/10.3390/antibiotics11050599>
- Gómez-Beltrán, D. A., Villar, D., López-Osorio, S., Ferguson, D., Monsalve, L. K., & Chaparro-Gutiérrez, J. J. (2020). Prevalence of antimicrobial resistance in bacterial isolates from dogs and cats in a veterinary diagnostic laboratory in Colombia from 2016 - 2019. *Veterinary Sciences*, 7(4), 173.
- Habibullah, A., Rahman, M. S., Haydar, M. S., Nazir, K. H. M. N. H., & Rahman, M. B. (2017). Prevalence and molecular detection of methicillin-resistant *Staphylococcus aureus* from dogs and cats in Dhaka city. *Bangladesh Journal of Veterinary Medicine*, 15(1), 25–30.
- Hanselman, B. A., Kruth, S. A., Rousseau, J., & Weese, J. S. (2009). Coagulase positive staphylococcal colonization of humans and their household pets. *The Canadian Veterinary Journal*, 50(9), 954–958.
- Lord, J., Millis, N., Jones, R. D., Johnson, B., & Kania, S. A. (2022). Patterns of antimicrobial, multidrug and methicillin resistance among *Staphylococcus* spp. isolated from canine specimens submitted to a diagnostic laboratory in Tennessee, USA: A descriptive study. *BMC Veterinary Research*, 18(1), 1–16. <https://doi.org/10.1186/s12917-022-03185-9>
- Nguyễn, P. N. T., Duân, D. C., Trường, L. V., Hạnh, V. D., & Thâu, T. D. (2017). Sự hiện diện của *Staphylococcus aureus* đề kháng methicillin ở chó tại Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 24(4), 59–65.
- Nguyễn, T. L. A., Nguyễn, V. T. H. L., Đoàn, T. K. C., Phạm, T. H. H., Nguyễn, T. Ý. V., Đào, H. T., & Nguyễn, T. L. (2024). Khảo sát sự hiện diện và định danh vi khuẩn *Staphylococcus* spp trên chó viêm da tại thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 60(4b), 129–137.
- Nocera, F. P., Pizzano, F., Masullo, A., Cortese, L., & De Martino, L. (2023). Antimicrobial resistant *Staphylococcus* species colonization in dogs, their owners, and veterinary staff of the Veterinary Teaching Hospital of Naples, Italy. *Pathogens*, 12(8), 1016. <https://doi.org/10.3390/pathogens12081016>
- Suepaul, S., Georges, K., Unakal, C., Boyen, F., Sookhoo, J., Ashraph, K., Yusuf, A., & Butaye, P. (2021). Determination of the frequency, species distribution and antimicrobial resistance of staphylococci isolated from dogs and their owners in Trinidad. *PLoS ONE*, 16(7), Article e0254048. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0254048>
- Uddin, M. M., Talukder, H., Islam, O., Asaduzzaman, M., Das, M., Ahsan, M. I., & Islam, S. (2021). Magnitudes of diseases in dogs vary among different levels of age, gender, breed, and season: A hospital-based, retrospective cross-sectional study. *Heliyon*, 7(11), Article e08287.